

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều

*Các Hội thẩm nhân dân*

1. Ông Lý Đức Hưng

2. Bà Trần Thị Hoài Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện P, tỉnh C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn Ng (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện P, tỉnh C.

3.2. Nguyễn Thị C

Địa chỉ: Khóm x, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 bà C có đơn đề giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Vào ngày 20-8-2016 (âm lịch), bà Nguyễn Thị Ph có đến nhà bà và hỏi mượn số tiền 32.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/ 01 tháng. Sau đó bà Nguyễn Thị Ph có thỏa thuận với bà trả vốn được 2.000.000 đồng. Hiện bà Nguyễn Thị Ph còn nợ bà 30.000.000 đồng tiền vốn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ng trả cho bà số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 20-8-2016 (âm lịch) đến ngày 20-6-2017 (âm lịch) là 6.000.000 đồng. Đồng thời bà yêu cầu tính lãi suất tiếp theo cho đến khi giải quyết xong vụ án.

\* Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2017 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà thừa nhận bà có làm biên nhận thể hiện có nợ bà Nguyễn Thị Bé T số tiền là 32.000.000đ. Nhưng thật sự bà T không có đưa cho bà số tiền 32.000.000đ mà trước đây bà Nguyễn Thị C có thể chấp cho bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay 40.000.000đ, trong đó bà C sử dụng 30.000.000đ, bà sử dụng 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 6% một tháng. Trong quá trình vay tiền của bà T, bà C có gởi cho bà đóng lãi cho bà T số tiền là 14.400.000đ nhưng do hoàn cảnh cha chồng bà bị bệnh nên bà đã sử dụng số tiền của bà C gởi đóng lãi cho bà T và bà còn nợ bà T tiền lãi là 1.600.000đ. Tổng cộng bà nợ tiền lãi bà T (tiền lãi của bà và tiền lãi của bà C) là 16.000.000đ nhưng bà T bắt bà làm biên nhận với số tiền 32.000.000đ bà đồng ý làm biên nhận nhận nợ bà T 32.000.000đ vì bà T cho rằng nếu trả tốt thì chỉ lấy 16.000.000đ còn trả không tốt thì lấy số tiền 32.000.000đ theo biên nhận. Bà đã làm biên nhận nợ bà T 32.000.000đ nên bà T yêu cầu bà trả tiền bà đồng ý trả, nhưng bà T đã kiện bà C đòi cả vốn và lãi mà không trừ số tiền mà bà làm biên nhận cho bà T. Nếu bà trả cho bà T thì bà không có nghĩa vụ trả cho bà C vì số tiền bà C giao bà trả lãi cho bà T bà đã làm biên nhận cho bà T. Nếu bà trả lại số tiền mà bà C đã đưa cho bà trả lãi cho bà T thì bà yêu cầu bà T trừ lại số tiền là 14.400.000đ.

\* Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà thừa nhận bà Nguyễn Thị Ph trình bày là đúng, bà Ph có nhờ bà vay số tiền là 10.000.000đ của bà T, bà Ph tự đóng lãi cho bà T và trong quá trình vay tiền bà có gởi cho bà Ph đóng lãi cho bà T với số tiền là 14.400.000đ. Bà không yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Ph trả tiền bà trong vụ án này nếu sau này giữa bà và bà Ph có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bà Ph. Do hiện nay bà đang bị bệnh phải điều trị ở Đồng Nai nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bé T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng

[2] Tại phiên tòa bà T cho rằng vào ngày 20 tháng 8 năm 2016 âm lịch, bà Ph có vay của bà số tiền 32.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, bà Ph đã trả cho bà được 2.000.000đ tiền vốn, từ khi vay đến nay bà Ph không có trả lãi. Bà yêu cầu bà Ph và ông Ng trả cho bà 30.000.000đ tiền vốn và 6.000.000đ tiền lãi. Bà Ph thừa nhận vào ngày 20 tháng 8 năm 2016 âm lịch bà có viết biên nhận cho bà Ph với số tiền 32.000.000đ, viết biên nhận nhưng bà T không có đưa tiền cho bà mà bà có nhận tiền của bà C để trả lãi cho bà T và bà còn nợ tiền lãi của bà T tổng cộng 16.000.000đ, nhưng bà T bắt bà làm biên nhận 32.000.000đ. Bà đồng ý trả bà T 32.000.000đ nhưng phải trừ số tiền 14.400.000đ tiền lãi của bà C gởi bà trả cho bà T. Xét thấy: Giữa bà T và bà Ph có thực hiện hợp đồng vay tài sản thể hiện tại biên nhận ngày 20 tháng 8 năm 2016 âm lịch do bà T và bà Ph cung cấp nên bà T yêu cầu bà Ph trả số tiền 30.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Bà Ph cho rằng làm biên nhận 32.000.000đ nhưng chỉ thiếu có 16.000.000đ, bà T không thừa nhận lời trình bày của bà Ph và bà Ph không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của bà Ph là không có cơ sở chấp nhận. Bà Ph yêu cầu trừ tiền lãi của bà C là 14.400.000đ, bà T cho rằng việc vay tiền giữa bà và bà C đã được Tòa án huyện Trần Văn Thời giải quyết xong không liên quan gì đến việc bà Ph vay tiền của bà. Bà Ph yêu cầu trừ số tiền 14.400.000đ nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa bà Ph cho rằng có trả lãi cho bà T số tiền 1.800.000đ, bà T không thừa nhận, bà Ph cho rằng đã đóng lãi nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên bà Ph cho rằng có trả lãi cho bà T 1.800.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng là cao so với quy định của pháp luật, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố về mức lãi suất cơ bản bằng Việt Nam đồng là 9%/năm. Tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”*. Do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất như sau: lãi suất năm là 13,5%, lãi suất tháng sẽ là 1,125%, lãi suất ngày sẽ là 0,0375%. Tiền lãi sẽ tính lại như sau: Từ khi vay là ngày 20 tháng 8 năm 2016 âm lịch nhằm ngày 20 tháng 9 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng 9 năm 2017 là 01 năm 9 ngày lãi suất sẽ là:  $(30.000.000đ \times 13,5\% \times 01 \text{ năm}) + (30.000.000đ \times 0,0375\% \times 9 \text{ ngày}) = 4.151.250đ$ .

Như vậy tổng vốn và lãi bà Ph có nghĩa vụ trả cho bà T là 34.151.250đ. Bà T yêu cầu bà Ph trả tiền gốc và lãi 36.000.000đ, như vậy phần yêu cầu của bà T không được chấp nhận là 1.848.750đ.

Bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng là chồng bà Ph có nghĩa vụ cùng bà Ph trả tiền cho bà, bà Ph cho rằng tiền nợ bà T là nợ riêng của bà không liên quan đến ông Ng chồng bà và ông Ng không biết việc bà nợ tiền bà T. Tại biên nhận ngày 20 tháng

8 năm 2016 âm lịch chỉ có bà Ph ký nhận không có ông Ng nên bà T yêu cầu ông Ng cùng bà Ph trả nợ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Đối với việc bà Ph bà C, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này giữa bà C và bà Ph có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là 300.000đ, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 900.000đ, được đối trừ chuyển thu án phí, bà T được nhận lại 600.000đ. Bà Nguyễn Thị Ph phải nộp tiền án phí đối với phần tiền phải trả cho bà T số tiền là 1.707.563đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

\* Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T. Buộc bà Nguyễn Thị Ph trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 34.151.250đ, trong đó tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 4.151.250đ

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả số tiền 1.848.750đ.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 900.000đ theo biên lai thu tiền số 0006678 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 600.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.707.563đ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

-----  
**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**